课 堂

kètáng · khóa đường · lớp học (trong giờ)

kè

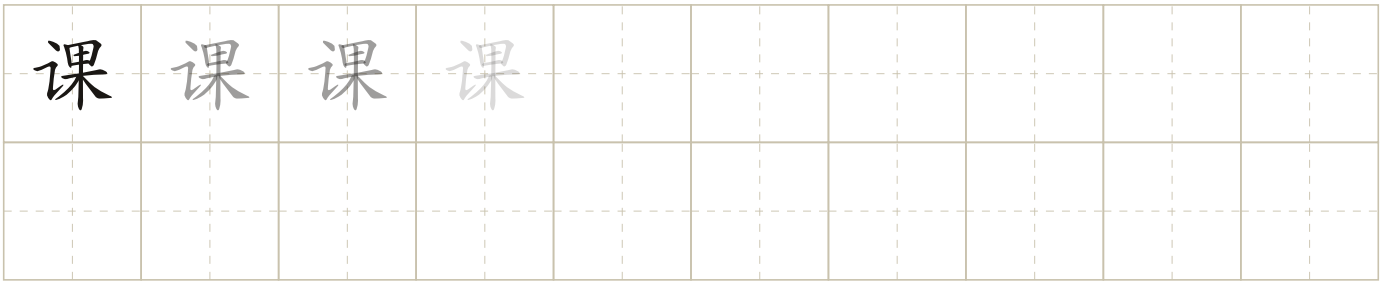

táng

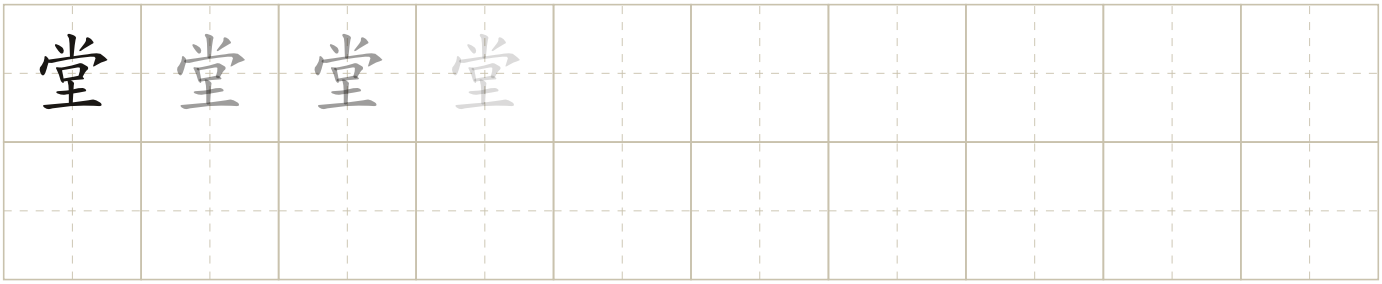

Dữ liệu nét: Make Me A Hanzi / Arphic Technology — Arphic Public License